

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ JÚT
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HS-ST
Ngày 29/3/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT – TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Danh Đại.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Y Đăng Niê;

Bà Nguyễn Thị Thắm;

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Chí Công – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên tòa: Ông
Lục Văn Đông - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2018 tại: Trụ sở TAND huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2018/TLST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 17A/2018/HSST-QĐ, ngày 06 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Bùi Văn C, sinh năm 1985 tại tỉnh Nam Định; nơi ĐKNKTT: thôn 6, xã ND, huyện C, tỉnh Đắk Nông; chỗ ở hiện nay: như trên; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn N và bà Ngô Thị M; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: 04 tiền án, Bản án số 03/2010/HSST, ngày 22/01/2010 TAND huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông xử phạt bị cáo 18 tháng tù giam; Bản án số 08/2012/HSST, ngày 16/03/2012 TAND huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù giam; Bản án số 90/2012/HSST, ngày 28/06/2012 TAND thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xử phạt bị cáo 30 tháng tù giam; Bản án số 05/2013/HSST, ngày 29/01/2013 TAND thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xử sơ thẩm xử phạt 1 năm 06 tháng tù giam. Tổng hợp hình phạt bị cáo còn phải chấp hành là 04 năm, 10 tháng, 25 ngày tù, bị cáo chấp hành án xong ngày 23/8/2016, chưa được xóa án tích; tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 29/8/2017 cho đến nay, bị cáo có mặt.

2. Hồ Hữu D(Tên gọi khác: Hùng), sinh năm 1987 tại tỉnh Bình Phước; nơi ĐKNKTT: Thôn L, xã LH, huyện P, tỉnh Bình Phước; chỗ ở hiện nay: Không nơi ở nhất định; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Hữu Đ và bà Lê Thị T; bị cáo có vợ là Phạm Thị Huỳnh N và 01 con sinh năm 2014; tiền án: 01 tiền án, tại Bản án số 31/2011/HSPT, ngày 25/4/2011 TAND tỉnh Bình Phước xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù, bị cáo chưa chấp hành án và đến ngày 25/4/2016 đã hết thời hiệu thi hành đối với Bản án, đến ngày 17/4/2017 bị cáo D lại tiếp tục phạm tội do đó bị cáo chưa được xóa án tích; tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 31/8/2017 cho đến nay, bị cáo có mặt.

3. Bùi Văn H, sinh năm 1990 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi ĐKNKTT: Ấp T, xã PT, huyện B, tỉnh Bình Phước; chỗ ở hiện nay: Như trên; nghề nghiệp: **làm nông**; trình độ học vấn 2/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn N và bà Nguyễn Thị H; bị cáo chưa có vợ là Phạm Thị Huỳnh N và 01 con sinh năm 2014; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Bản án số 36/2011/HSST ngày 07/4/2011 TAND huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước xử phạt 36 tháng cải tạo không giam giữ, chấp hành án xong ngày 09/5/2013, đã được xóa án tích, bị bắt tạm giữ từ ngày 30/8/2017 cho đến ngày 02/9/2017 chuyển sang tạm giam cho đến nay, bị cáo có mặt.

- *Bị hại:*

1. Anh Lê Văn M, sinh năm 1991 (Địa chỉ: Thôn 5, Đ1, Đ, Đắc Nông).
2. Ông Phạm Văn K, sinh năm 1960 (Địa chỉ: Thôn E, E1, B, Đắc Lắc).
3. Anh Phạm Tùng D, sinh năm 1985 (Địa chỉ: Thôn 5, Đ2, C, Đắc Nông).
4. Anh Lương Văn U và chị Phạm Thị P (Địa chỉ: Thôn 1, Đ2, C, Đắc Nông).
5. Ông Trần Văn T, sinh năm 1964 (Địa chỉ: Thôn Btr, Đ3, C, Đắc Nông)
6. Bà Chu Thị M, sinh năm 1965 (Địa chỉ: Thôn T1, E, C, Đắc Nông).
7. Ông Ma Đức N, sinh năm 1969 (Địa chỉ: Thôn T1, E, C, Đắc Nông).
8. Ông La Thanh S, sinh năm 1969 (Địa chỉ: Thôn 8, C1, C, Đắc Nông).
9. Anh Lê Văn H, sinh năm 1996 (Địa chỉ: Thôn 6, Đ3, C, Đắc Nông).
10. Anh La Thanh C, sinh năm 1990 (Địa chỉ: Thôn 3, C1, C, Đắc Nông).
11. Anh Đoàn Văn N, sinh năm 1993 (Địa chỉ: Thôn T2, ND, C, Đắc Nông).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Phạm Duy T, sinh năm 1987 (Địa chỉ: Thôn 5, Đ2, C, Đắc Nông).
2. Anh Bùi Văn Q, sinh năm 1991 (Địa chỉ: Thôn 6, ND, C, Đắc Nông).
3. Anh Nguyễn Trọng Đ, sinh năm 1991 (Địa chỉ: Thôn Đ4, E, C, Đắc Nông).

4. Anh Nguyễn Hữu H, sinh năm 1983 (Địa chỉ: L1, xã LH, huyện P, tỉnh Bình Phước).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 28 tháng 8 năm 2017, Bùi Văn C rủ Hồ Hữu D đi trộm cắp tài sản (xe mô tô), bán lấy tiền tiêu xài. D đồng ý và mang theo một bộ vạm phá khóa xe máy đã chuẩn bị từ trước, C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu NOVO biển kiểm soát 48D1 – 067.59 mượn của em trai tên Bùi Văn Q (trú tại: thôn 6, xã ND, huyện C, tỉnh Đắk Nông) chở D từ huyện C, Đắk Nông đến huyện Krông Nô, Đắk Nông nhưng không trộm cắp được tài sản gì. Sau đó, C tiếp tục điều khiển xe chở D đến địa phận thôn 5, xã Đ1, huyện Đ3, Đắk Nông, khi đi ngang qua trước nhà anh Lê Văn M thì C, D phát hiện 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu trắng đen, biển kiểm soát 48 E1 216.55 để tại sân nhà, không có người trông coi, cửa công mở. C dùng xe bên đường để cảnh giới, còn D đi bộ vào trong và dùng vạm mở khóa điện lấy trộm xe mô tô biển kiểm soát 48 E1 216.55, đẩy xe ra đường rồi nổ máy chạy theo hướng về xã N, huyện K, Đắk Nông. Sau đó vòng ra hướng huyện C, Đắk Nông. Khi đến Tổ dân phố 5, Thị trấn E1, huyện C, tỉnh Đắk Nông thì bị lực lượng Công an huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông bắt giữ người cùng tang vật.

Quá trình điều tra, Bùi Văn C, Hồ Hữu D còn khai nhận ngoài lần trộm cắp xe mô tô tại nhà anh Lê Văn M thì C, D cùng với Bùi Văn H còn thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản (xe mô tô) trên địa bàn huyện C, tỉnh Đắk Nông và huyện B, tỉnh Đắk Lắk cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào ngày 17/04/2017, Bùi Văn C điều khiển xe mô tô hiệu Nouvo biển kiểm soát 48D1 – 067.59 chở Hồ Hữu D đi tìm xe mô tô để trộm cắp. Khoảng 13 giờ cùng ngày, cả hai đến nhà rẫy của Anh Phạm Tùng D tại thôn T1 – xã Đ3 – huyện C thì phát hiện 01 xe mô tô hiệu Future biển kiểm soát 48D1 – 166.61 của anh D đang dựng ở trước hiên nhà. C ở ngoài cảnh giới còn D đi vào dùng Vạm phá khóa xe và trộm cắp xe mô tô trên. Sau khi trộm được xe, cả hai điều khiển xe về khu vực gần cầu Sông Bé thuộc xã PM – huyện B1 – tỉnh Bình Phước bán cho một đối tượng tên Minh (chưa xác định được nhân thân) được 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) và cả hai chia nhau mỗi người một nửa và tiêu xài hết.

Vụ thứ hai: Vào ngày 07/06/2017, Bùi Văn C điều khiển xe mô tô hiệu Nouvo biển kiểm soát 48D1 – 067.59 chở Hồ Hữu D đi tìm xe mô tô để trộm cắp. Khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày, cả hai phát hiện xe mô tô hiệu Future biển kiểm soát 48D1 – 174.69 của Anh Lương Văn U đang dựng trước sân nhà của chị P tại thôn 1 – Đ2 – C. C đứng ngoài cảnh giới còn D đi vào dùng Vạm phá khóa xe và lấy trộm

xe mô tô trên. Sau đó cả hai điều khiển xe trên về đường nhựa DT741 thuộc phường L2– thị xã P2– tỉnh Bình Phước bán cho Bùi Văn H được 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) và cả hai chia nhau mỗi người 3.750.000đ và tiêu xài hết. Khi mua xe trên, Bùi Văn H nhờ một đối tượng tên Chó (không xác định được nhân thân và địa chỉ) đi cùng, dùng xe của Chó (không xác định được biển kiểm soát) chở H đến địa điểm mua xe. Sau đó H và Chó mang xe mô tô trên đến khu vực biên giới Việt Nam – Cam Pu Chia. H bán xe trên cho một đối tượng tên Mập được 9.500.000đ (Chín triệu năm trăm nghìn đồng). H chia cho Chó 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền có được H đã tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ ba: Vào ngày 10/06/2017, Bùi Văn C điều khiển xe mô tô hiệu Nouvo biển kiểm soát 48D1 – 067.59 chở Hồ Hữu D đi tìm xe mô tô để trộm cắp. Khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày, cả hai phát hiện xe mô tô hiệu Future biển kiểm soát 48D1 – 120.98 của anh Trần Văn T đang dựng trước nhà của anh T tại Btr – Đ3 – C. C đứng ngoài cảnh giới còn D đi vào dùng Vam phá khóa xe và lấy trộm xe mô tô trên. Sau đó cả hai điều khiển xe trên về đường nhựa trong lô Cao su thuộc phường L – thị xã P2– tỉnh Bình Phước bán cho Bùi Văn H được 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) và cả hai chia nhau mỗi người 3.500.000đ và tiêu xài hết. Khi mua xe trên, Bùi Văn H nhờ một đối tượng tên Chó (không xác định được nhân thân và địa chỉ) đi cùng, dùng xe của Chó (không xác định được biển kiểm soát) chở H đến địa điểm mua xe. Sau đó H và Chó mang xe mô tô trên đến khu vực biên giới Việt Nam – Cam Pu Chia. H bán xe trên cho một đối tượng tên Mập được 9.000.000đ (Chín triệu đồng). H chia cho Chó 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền có được H đã tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ tư: Vào ngày 06/07/2017, Bùi Văn C điều khiển xe mô tô hiệu Nouvo biển kiểm soát 48D1 – 067.59 chở Hồ Hữu D đi tìm xe mô tô để trộm cắp. Khoảng 20 giờ 00 phút cùng ngày, cả hai đến nhà Bà Chu Thị M tại thôn T1 – E – huyện C thì phát hiện 01 xe mô tô hiệu Future biển kiểm soát 48D1 – 146.10 của bà M đang dựng ở đường luồng giữa nhà chính và nhà kho của bà M. C ở ngoài cảnh giới còn D đi vào dùng Vam phá khóa xe và trộm cắp xe mô tô trên. Sau khi trộm được xe, cả hai điều khiển xe về khu vực gần cầu Sông Bé thuộc xã PM – huyện B1– tỉnh Bình Phước bán cho một đối tượng tên Minh (chưa xác định được nhân thân) được 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) và cả hai chia nhau mỗi người 3.500.000đ và tiêu xài hết.

Vụ thứ năm: Vào ngày 20/07/2017, Bùi Văn C điều khiển xe mô tô hiệu Nouvo biển kiểm soát 48D1 – 067.59 chở Hồ Hữu D đi tìm xe mô tô để trộm cắp. Khoảng 19 giờ cùng ngày, cả hai phát hiện xe mô tô hiệu Future biển kiểm soát 48D1 – 192.95 của anh Ma Đức N đang dựng bên hông nhà của anh N tại thôn T1 – E – C. C đứng ngoài cảnh giới còn D đi vào dùng Vam phá khóa xe và trộm cắp xe mô tô trên. Sau đó cả hai điều khiển xe trên về đường nhựa DT759 thuộc xã Đa Kia – huyện B1– tỉnh Bình Phước bán cho Bùi Văn H được 8.000.000đ (Tám triệu

đồng), cả hai chia nhau mỗi người 4.000.000đ và tiêu xài hết số tiền trên vào mục đích cá nhân. Khi mua xe trên, Bùi Văn H nhờ một đối tượng tên Chó (không xác định được nhân thân và địa chỉ) đi cùng, dùng xe của Chó (không xác định được biển kiểm soát) chở H đến địa điểm mua xe. Sau đó H và Chó mang xe mô tô trên đến khu vực biên giới Việt Nam – Cam Pu Chia. H bán xe trên cho một đối tượng tên Mập được 10.000.000đ (Mười triệu đồng). H chia cho Chó 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền có được H đã tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ sáu: Vào ngày 24/07/2017, Bùi Văn C điều khiển xe mô tô hiệu Nouvo biển kiểm soát 48D1 – 067.59 chở Hồ Hữu D đi tìm xe mô tô để trộm cắp. Khoảng 15 giờ 35 phút cùng ngày, cả hai đến nhà anh La Thanh S tại thôn 8 – C1 – C thì phát hiện 01 xe mô tô hiệu Future biển kiểm soát 48D1 – 225.48 của anh S đang dựng ở bên hông phải nhà (theo hướng nhìn từ nhà ra đường), trên xe đang cắm chìa khóa. D ở ngoài cánh giới còn C đi vào dắt xe ra ngoài và trộm cắp xe mô tô trên. Sau khi trộm được xe, cả hai điều khiển xe về khu vực gần cầu Sông Bé thuộc xã PM – huyện B1– tỉnh Bình Phước bán cho một đối tượng tên Minh (chưa xác định được nhân thân) được 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng), cả hai chia nhau mỗi người 3.250.000đ và tiêu xài hết.

Vụ thứ bảy: Vào ngày 06/08/2017, Bùi Văn C điều khiển xe mô tô hiệu Nouvo biển kiểm soát 48D1 – 067.59 chở Hồ Hữu D đi tìm xe mô tô để trộm cắp. Khoảng 17 giờ cùng ngày, cả hai phát hiện xe mô tô hiệu Wave α biển kiểm soát 48D1 – 238.92 của anh Lê Văn H đang dựng trước sân nhà của ông Hoa (bố anh H) tại Btr – Đ3 – C. C đứng ngoài cánh giới còn D trực tiếp vào, dùng Vam phá khóa và lấy trộm xe mô tô trên. Sau đó cả hai điều khiển xe trên về khu vực gần cầu Sông Bé thuộc xã PM – huyện B1– tỉnh Bình Phước bán cho một đối tượng tên Minh (chưa xác định được nhân thân) được 10.000.000đ (Mười triệu đồng), cả hai chia nhau mỗi người 5.000.000đ và tiêu xài hết.

Vụ thứ tám và vụ thứ chín: Vào ngày 12/08/2017, Bùi Văn C điều khiển xe mô tô hiệu Nouvo biển kiểm soát 48D1 – 067.59 chở Hồ Hữu D đi tìm xe mô tô để trộm cắp. Khoảng 11 giờ 20 phút cùng ngày, cả hai phát hiện xe mô tô hiệu Future biển kiểm soát 48D1 – 192.30 của anh La Thanh C đang dựng trước sân nhà của anh C tại Thôn 3 – C1 – C, trên xe cắm chìa khóa. C đứng ngoài cánh giới còn D đi vào lấy trộm xe mô tô trên. Sau đó cả hai điều khiển xe trên đi cất giấu tại một rẫy của người dân, đến ngày 13/08/2017, Bùi Văn C tiếp tục điều khiển xe mô tô hiệu Nouvo biển kiểm soát 48D1 – 067.59 chở Hồ Hữu D đi tìm xe mô tô để trộm cắp. Khoảng 19 giờ 30 cùng ngày, cả hai phát hiện xe mô tô hiệu Exciter biển kiểm soát 48D1 – 212.12 của anh Đoàn Văn N đang dựng ở sân nhà của anh N tại Thôn T2 – ND – C, trên xe có gắn chìa khóa. C đứng ngoài cánh giới còn D đi vào lấy trộm xe mô tô trên. Sau khi lấy được hai xe mô tô trên, D và C mỗi người điều khiển 01 xe chạy về đến đoạn đường gần cầu Sông Bé thuộc xã PM – huyện B1– tỉnh Bình Phước bán cho Bùi Văn H xe mô tô hiệu Future biển kiểm soát 48D1 – 192.30

được 7.000.000đ (Bảy triệu đồng), xe mô tô hiệu Exciter biển kiểm soát 48D1 – 212.12 bán được 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng). Số tiền có được, C và D chia nhau mỗi người 10.000.000đ và tiêu xài hết. Khi mua xe trên, Bùi Văn H nhờ một đối tượng tên Chó (không xác định được nhân thân và địa chỉ) đi cùng, dùng xe của Chó (không xác định được biển kiểm soát) chở H đến địa điểm mua xe. Sau đó H và Chó mang hai xe mô tô trên đến khu vực biên giới Việt Nam – Cam Pu Chia. H bán hai xe trên cho một đối tượng tên Mập được 1.100 USD (Đô la Mỹ). H chia cho Chó 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền có được H đã tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ mười: khoảng 06 giờ 06 phút, ngày 29/7/2017 Bùi Văn C và Hồ Hữu D rủ nhau sang địa bàn huyện B, Đắc Lắc trộm cắp xe mô tô, C điều khiển xe mô tô Yamaha NOVO biển kiểm soát 48D1 – 06759 chở D, đến khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày thì đến khu vực thủy điện Sêrêpôk 4, C, D phát hiện khu vực trước đập xả thủy điện kề mép bờ sông có 01 xe mô tô hiệu Honda loại JS30BCX, màu sơn vàng – đen – xám, mang biển kiểm soát 47R4 – 1637 của Ông Phạm Văn K, đang dựng tại mép bờ sông để đi câu cá. Lợi dụng lúc ông K đang câu cá, không chú ý quản lý xe mô tô, nên C dùng xe lại cạnh giới, còn D đi đến và dùng vạm phá khóa trộm cắp xe mô tô 47R4 – 1637, sau đó D điều khiển xe về huyện C, tỉnh Đắc Nông, khi đến xã ND thì cất giấu xe trộm cắp được vào vườn ngô ven đường nhưng không xác định được ở đâu. Sau đó, cả hai về nhà nghỉ Huy Hoàng thuộc xã ND, huyện C để nghỉ, đến khoảng 02 giờ ngày 30/7/2017, C và D ra lấy xe đang cất giấu rồi điều khiển về tỉnh Bình Phước, đến khoảng 07 giờ cùng ngày thì đến khu vực cửa khẩu Hoàng Diệu thuộc huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước và bán xe mô tô 47R4 – 1637 cho đối tượng tên Minh (không rõ lai lịch) với giá 11.000.000 đ (mười một triệu đồng), sau đó D và C chia nhau 5.500.000 đ (năm triệu năm trăm nghìn đồng).

Vật chứng của vụ án: 01 xe mô tô hiệu Nouvo biển kiểm soát 48D1 – 067.59 màu vàng – đen; 01 xe mô tô hiệu Sirius biển kiểm soát 48E1 – 261.55.

Đối với điện thoại di động mà Hồ Hữu D sử dụng liên lạc với H và Minh để thỏa thuận mua bán xe mô tô trộm cắp và vạm phá khóa sau khi trộm cắp tài sản tại huyện Đ3 ngày 28/8/2017 trên đường chạy về huyện C, Hồ Hữu D đã làm rơi mất nhưng không biết mất ở đâu, do đó Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với điện thoại di động mà Bùi Văn H sử dụng liên lạc với Hồ Hữu D, Mập để thỏa thuận mua bán xe mô tô trộm cắp và liên lạc nhờ Chó chở đi mua bán xe mô tô trộm cắp là điện thoại của Bùi Văn H. H đã làm rơi mất nhưng không biết mất ở đâu, do đó Cơ quan điều tra không thu giữ được.

- Tại Kết luận định giá tài sản số 22/2017/KL-HĐĐG, ngày 29/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện C kết luận: Xe mô tô hiệu Future biển kiểm soát 48D1 – 166.61 tại thời điểm mất có giá trị là 23.600.000đ (Hai mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng); xe mô tô hiệu Wave α biển kiểm soát 48D1 – 238.92 tại thời điểm mất có giá trị là 16.830.000đ (Mười sáu triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng); xe mô tô hiệu

Future biển kiểm soát 48D1 – 192.95 tại thời điểm mất có giá trị là 25.075.000đ (Hai mươi lăm triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng); xe mô tô hiệu Future biển kiểm soát 48D1 – 192.30 tại thời điểm mất có giá trị là 25.075.000đ (Hai mươi lăm triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng); xe mô tô hiệu Exciter biển kiểm soát 48D1 – 212.12 tại thời điểm mất có giá trị là 41.850.000đ (Bốn mươi một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

- Tại Kết luận định giá tài sản số 29/2017/KL-HĐĐG, ngày 01/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện C kết luận: Xe mô tô hiệu Future biển kiểm soát 48D1 – 174.69 tại thời điểm mất có giá trị là 24.800.000đ (Hai mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng); xe mô tô hiệu Future biển kiểm soát 48D1 – 120.98 tại thời điểm mất có giá trị là 21.700.000đ (Hai mươi một triệu bảy trăm nghìn đồng); xe mô tô hiệu Future biển kiểm soát 48D1 – 146.10 tại thời điểm mất có giá trị là 22.630.000đ (Hai mươi hai triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng); xe mô tô hiệu Future biển kiểm soát 48D1 – 225.48 tại thời điểm mất có giá trị là 27.075.000đ (Hai mươi bảy triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

- Tại Kết luận định giá tài sản số 20/KL-ĐGTS ngày 27/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện B, tỉnh Đắk Lắk kết luận: Xe mô tô hiệu Honda, loại JF30PCX, màu vàng – đen – xám biển kiểm soát 47R4 – 1637 nói trên tại thời điểm mất có giá trị là 15.300.000đ (Mười lăm triệu ba trăm nghìn đồng).

- Tại Kết luận định giá tài sản số 40 ngày 13/09/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ3 kết luận: Xe mô tô hiệu Sirius biển kiểm soát 48E1 – 261.55 nói trên tại thời điểm mất có giá trị là 16.800.000đ (Mười sáu triệu tám trăm nghìn đồng).

Tại bản Cáo trạng số 05/CTr-VKS ngày 08/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút truy tố các bị cáo Bùi Văn C, Hồ Hữu D về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); truy tố bị cáo Bùi Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b,e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa các bị cáo Bùi Văn C, Hồ Hữu D, Bùi Văn H đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Bùi Văn C, Hồ Hữu D, Bùi Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm o, p khoản 1 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo Bùi Văn C từ 07 (Bảy) năm đến 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm b, o, p khoản 1 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo Hồ Hữu D từ 04 (Bốn) năm đến 05 (Năm) năm tù.

- Áp dụng điểm b, e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm o, p khoản 1 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo Bùi Văn H từ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 03 (Ba) năm tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cư Jút ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô hiệu Nouvo biển kiểm soát 48D1 – 067.59 cho anh Bùi Văn Q. Chấp nhận Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Mil ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô hiệu Sirius biển kiểm soát 48E1 – 261.55 cho Anh Lê Văn M.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), các Điều 584, Điều 587, Điều 589, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc các bị cáo phải bồi thường cho Anh Phạm Tùng D, chị Phạm Thị P, anh Trần Văn T, Bà Chu Thị M, anh Ma Đức N, anh La Thanh S, anh Lê Văn H, anh La Thanh C, anh Đoàn Văn N, anh Phạm Văn K theo giá trị thị trường của xe mô tô tại thời điểm bị mất.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị hại không có ý kiến gì đối với tội danh, mức hình phạt đối với các bị cáo mà yêu cầu các bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường giá trị tài sản đã chiếm đoạt tại thời điểm bị xâm phạm.

Riêng bị hại là Anh Lê Văn M đã được nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, tài sản không bị thiệt hại gì nên anh M không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Đại diện cho gia đình bị cáo, anh Hồ Hữu H không có ý kiến gì về số tiền 10.000.000 đ gia đình bị cáo D đã thay mặt bị cáo khắc phục, bồi thường một phần thiệt hại cho các bị hại.

Các bị cáo không bào chữa và cũng không tranh luận gì thêm mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau: ⁽²⁸⁾

[1] Về hành vi của Điều tra viên, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cư Jút, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo, Hội đồng xét xử đã đủ cơ sở để xác định: Vào khoảng thời gian từ ngày 17/4/2017 đến ngày 28/8/2017, trên địa huyện C, huyện Đ3, tỉnh Đắk Nông và huyện B, tỉnh Đắk Lắk, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản các bị cáo Bùi Văn C và Hồ Hữu D đã liên tiếp thực hiện 11 vụ trộm cắp tài sản, tổng cộng 11 xe mô tô các loại, gồm: Xe mô tô hiệu Sirius biển kiểm soát 48E1 – 261.55 của anh Lê Văn M có giá trị tại thời điểm bị xâm hại là 16.800.000đ (Mười sáu triệu tám trăm nghìn đồng); Xe mô tô hiệu Future biển kiểm soát 48D1 – 166.61 của anh Phạm Tùng D có giá trị tại thời điểm bị xâm hại là 23.600.000đ (Hai mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng); Xe mô tô hiệu Wave α biển kiểm soát 48D1 – 238.92 của anh Lê Văn H có giá trị tại thời điểm bị xâm hại là 16.830.000đ (Mười sáu triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng); Xe mô tô hiệu Future biển kiểm soát 48D1 – 192.95 của anh Ma Đức N có giá trị tại thời điểm bị xâm hại là 25.075.000đ (Hai mươi lăm triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng); Xe mô tô hiệu Future biển kiểm soát 48D1 – 192.30 của anh La Thanh C có giá trị tại thời điểm bị xâm hại là 25.075.000đ (Hai mươi lăm triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng); Xe mô tô hiệu Exciter biển kiểm soát 48D1 – 212.12 của anh Đoàn Văn N có giá trị tại thời điểm bị xâm hại là 41.850.000đ (Bốn mươi một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng); Xe mô tô hiệu Future biển kiểm soát 48D1 – 174.69 của Anh Lương Văn U và chị Nguyễn Thị P có giá trị tại thời điểm bị xâm hại là 24.800.000đ (Hai mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng); Xe mô tô hiệu Future biển kiểm soát 48D1 – 120.98 của Ông Trần Văn T có giá trị tại thời điểm bị xâm hại là 21.700.000đ (Hai mươi một triệu bảy trăm nghìn đồng); Xe mô tô hiệu Future biển kiểm soát 48D1 – 146.10 của chị Chu Thị M có giá trị tại thời điểm bị xâm hại là 22.630.000đ (Hai mươi hai triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng); Xe mô tô hiệu Future biển kiểm soát 48D1 – 225.48 của anh La Thanh S có giá trị tại thời điểm bị xâm hại là 27.075.000đ (Hai mươi bảy triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) và xe mô tô hiệu Honda biển kiểm soát 47R4 – 1637 của Ông Phạm Văn K giá trị tại thời điểm bị xâm hại là 15.300.000đ (Mười lăm triệu ba trăm nghìn đồng). Tổng giá trị các tài sản mà các bị cáo trộm cắp là 260.735.000đ (Hai trăm sáu mươi triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Bùi Văn H đã thỏa thuận và hứa hẹn trước với Hồ Hữu D về việc sẽ tiêu thụ tài sản do D trộm cắp được và cụ thể H đã tiêu thụ 05 xe mô tô các loại, gồm: Xe mô tô hiệu Future biển kiểm soát 48D1 – 192.95 của Ông Ma Đức N có giá trị là 25.075.000đ (Hai mươi lăm triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng); Xe mô tô hiệu Future biển kiểm soát 48D1 – 192.30 của anh La Thanh C có giá trị là 25.075.000đ (Hai mươi lăm triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng); Xe mô tô hiệu Exciter biển kiểm soát 48D1 – 212.12 của anh Đoàn Văn N có giá trị là 41.850.000đ (Bốn mươi một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng); Xe mô tô hiệu Future biển kiểm soát 48D1 – 174.69 của Anh Lương Văn U và chị Nguyễn Thị P có giá trị là 24.800.000đ (Hai mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng); Xe mô tô hiệu

Future biển kiểm soát 48D1 – 120.98 của Ông Trần Văn T có giá trị là 21.700.000đ (Hai mươi một triệu bảy trăm nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản mà H đã tiêu thụ là 138.500.000đ (một trăm ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ kết luận bị cáo Bùi Văn C, Hồ Hữu D phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); bị cáo Bùi Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b, e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

[3] Các bị cáo Bùi Văn C, Hồ Hữu D, Bùi Văn H đều có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác đã được Nhà nước công nhận và bảo vệ, nhưng xuất phát từ lối sống buông thả, muốn có tiền tiêu xài nhưng lại lười lao động các bị cáo đã lợi dụng sơ hở của người khác để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây bất an trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo phạm tội chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn, tuy nhiên, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là khác nhau nên khi xem xét hình phạt đối với các bị cáo cần phải cá thể hóa hình phạt đối với từng bị cáo để đưa ra một mức hình phạt sao cho tương xứng với mức độ và hành vi phạm tội của từng bị cáo.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này, bị cáo Bùi Văn C thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm; bị cáo Hồ Hữu D thuộc trường hợp tái phạm; bị cáo Bùi Văn H thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần. Do đó các bị cáo Bùi Văn C, Hồ Hữu D, Bùi Văn H bị áp dụng tính tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo C, D, H đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Bị cáo C, bị cáo D trong quá trình điều tra đã tự thú và khai nhận về các hành vi phạm tội khác của mình nên các bị cáo này được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Bị cáo D trong giai đoạn chuẩn bị xét xử đã tự nguyện tác động gia đình bồi thường, khắc phục một phần hậu quả cho bị hại với số tiền 10.000.000 đ (Thể hiện trong biên lai thu tiền số 003636 ngày 18/01/2018 của Chi cục THADS huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông), nên bị cáo D được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm

hình sự được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Do đó khi áp dụng hình phạt đối với bị cáo D, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng thêm Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 để tuyên một mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đã truy tố đối với bị cáo D; Như vậy hình phạt vừa đảm bảo đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo, vừa thể hiện tính nhân đạo của pháp luật Nhà nước.

Lời đề nghị, mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tại phiên tòa là có căn cứ, đúng luật, phù hợp tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đối với đối tượng tên Minh, đối tượng tên Chó và đối tượng tên Mập, do không xác định được nhân thân nên chưa đủ căn cứ xử lý. Cơ quan CSĐT Công an huyện Cư Jút đã ra quyết định tách vụ án hình sự khi có căn cứ sẽ tiếp tục xử lý theo quy định của pháp luật.

[7] Đối với Bùi Văn Q (em trai Bùi Văn C), có hành vi cho Bùi Văn C mượn xe mô tô hiệu Nouvo biển kiểm soát 48D1 – 067.59 màu vàng – đen làm phương tiện đi lại, tuy nhiên anh Q không biết việc C sử dụng xe vào việc trộm cắp tài sản, do đó không cấu thành tội phạm.

[8] Hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo C, D, H không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Về các biện pháp tư pháp : Áp dụng các Điều 584, Điều 587, Điều 589, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho Anh Phạm Tùng D, chị Phạm Thị P, anh Trần Văn Toàn, Bà Chu Thị M, anh Ma Đức N, anh La Thanh S, anh Lê Văn H, anh La Thanh C, anh Đoàn Văn N, anh Phạm Văn K theo giá trị thị trường của xe mô tô tại thời điểm bị mất.

- Về vật chứng vụ án: Đối với xe mô tô hiệu Nouvo biển kiểm soát 48D1 – 067.59 anh Bùi Văn Q cho C mượn làm phương tiện đi lại. Anh Q không biết Cương sử dụng xe vào việc phạm tội nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Cư Jút ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô hiệu Nouvo biển kiểm soát 48D1 – 067.59 cho Bùi Văn Q là hoàn toàn đúng pháp luật.

Chấp nhận việc Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Mil ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô hiệu Sirius biển kiểm soát 48E1 – 261.55 cho Anh Lê Văn M là chủ sở hữu hợp pháp.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, Điều 585, Điều 587, Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015, buộc các bị cáo C, D, H phải liên đới bồi thường thiệt hại cho bị hại theo giá trị thị trường của tài sản chiếm đoạt tại thời điểm bị xâm phạm.

Cần chấp nhận việc bị cáo Hồ Hữu D đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại với số tiền 10.000.000 đ, bị cáo D phải tiếp tục bồi thường thiệt hại cho các bị hại theo quy định của pháp luật.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Bùi Văn C, Hồ Hữu D, Bùi Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm o, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn C 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 29/8/2017.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm b, o, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt: Bị cáo Hồ Hữu D 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 31/8/2017.

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm p khoản 1 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn H 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 30/8/2017.

2. Biện pháp tư pháp:

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cư Jút ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô hiệu Nouvo biển kiểm soát 48D1 – 067.59 cho anh Bùi Văn Q. Chấp nhận Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Mil ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô hiệu Sirius biển kiểm soát 48E1 – 261.55 cho anh Lê Văn M.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 587, Điều 589, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Bùi Văn C, Hồ Hữu D, Bùi Văn H phải liên đới bồi thường cho Ông Ma Đức N số tiền 25.075.000đ (Hai mươi lăm triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng); anh La Thanh C số tiền 25.075.000đ (Hai mươi lăm triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng); anh Đoàn Văn N số tiền 41.850.000đ (Bốn mươi một

triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng); Anh Lương Văn U và chị Nguyễn Thị P số tiền 24.800.000đ (Hai mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng); Ông Trần Văn T số tiền 21.700.000đ (Hai mươi một triệu bảy trăm nghìn đồng). Từng phần: bị cáo Bùi Văn C, Hồ Hữu D, Bùi Văn H mỗi bị cáo bồi thường 46.167.000 đ (Bốn mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Buộc các bị cáo Bùi Văn C, Hồ Hữu D phải liên đới bồi thường cho anh Phạm Tùng D số tiền 23.600.000đ (Hai mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng); anh Lê Văn H số tiền 16.830.000đ (Mười sáu triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng); Bà Chu Thị M số tiền 22.630.000đ (Hai mươi hai triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng); Ông La Thanh S số tiền 27.075.000đ (Hai mươi bảy triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng); Ông Phạm Văn K số tiền 15.300.000đ (Mười lăm triệu ba trăm nghìn đồng). Từng phần: bị cáo Bùi Văn C, Hồ Hữu D mỗi bị cáo bồi thường 52.717.500 đ (Năm mươi hai triệu, bảy trăm mười bảy nghìn, năm trăm đồng).

Bị cáo Hồ Hữu D được khấu trừ vào số tiền 10.000.000 đ mà bị cáo đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại theo biên lai thu tiền số 003636 ngày 18/01/2018 của Chi cục THADS huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông bồi thường cho các bị hại; bị cáo D phải tiếp tục bồi thường cho các bị hại đối với số tiền còn lại sau khi đã khấu trừ số tiền này theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày Ông Ma Đức N, anh La Thanh C, anh Đoàn Văn N, Anh Lương Văn U và chị Nguyễn Thị P, Ông Trần Văn T, Anh Phạm Tùng D, anh Lê Văn H, Bà Chu Thị M, Ông La Thanh S, Ông Phạm Văn K có đơn yêu cầu thi hành án mà các bị cáo không thi hành thì các bị cáo còn phải chịu tiền lãi đối với khoản tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bị cáo Bùi Văn C phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 4.944.000 đồng (Bốn triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Hồ Hữu D phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 4.544.000 đồng (Bốn triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Bùi Văn H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.308.000 đồng (Hai triệu ba trăm lẻ tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND Tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- Công an huyện Cư Jút;
- CCTHADS huyện Cư Jút ;
- Các bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Danh Đại